

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/02/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, Sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Đoàn Công T, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Anh Đoàn Công T đi chấp hành cai nghiện ma túy tại Trung tâm cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa đến ngày 29/01/2022 chấp hành xong, về địa phương. Hiện anh Đoàn Công T đang cư trú tại thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh T (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Công T kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức uoir, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị khuyên

bảo nhiều lần, anh T không nghe dẫn đến năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương. Tòa án đã giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Đến ngày 05/4/2019 chị và anh T đến UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để đăng ký kết hôn lại.

Sau khi đăng ký kết hôn lại, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính vẫn là do anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Mặt khác anh T không tu chí làm ăn, ham chơi đua đòi, nghiện ngập ma túy, lô đề, cờ bạc. Chị khuyên bảo nhiều lần anh T không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ giữa năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đoàn Thị T1, sinh ngày 28/5/2012, Đoàn Công P, sinh ngày 09/5/2014. Nếu được ly hôn chị xin nuôi cháu P, để cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung với ai.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đoàn Công T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Phạm Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương đã giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh, chị.

Đến ngày 05/4/2019 vợ chồng anh, chị lên UBND xã Q, huyện Q để đăng ký kết hôn lại. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Mặt khác anh có nghiện ma túy, lô đề, cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ giữa năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn anh tại tòa án, anh đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đoàn Thị T1, sinh ngày 28/5/2012, Đoàn Công P, sinh ngày 09/5/2014. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2021 của cháu Đoàn Thị T1, cháu Đoàn Công P nêu bố mẹ ly hôn cháu T1 xin ở với bố, cháu P xin ở với mẹ.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Đoàn Công T và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/4/2019. Quá trình chung sống, anh chị về sống tại gia đình nhà chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng như thế nào thì địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Nay chị T xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con cái: anh, chị có 02 con chung

tên là Đoàn Thị T1, sinh ngày 28/5/2012, Đoàn Công P, sinh ngày 09/5/2014. Nếu anh, chị ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản và công nợ; Địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của nguyên đơn đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đoàn Công T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đoàn Thị T1, sinh ngày 28/5/2021, Đoàn Công P, sinh ngày 09/5/2014 Ly hôn giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với ai. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Chị Phạm Thị T và anh Đoàn Công T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị T có đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đang chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 29/01/2022 anh T đã chấp hành xong và về địa phương sinh sống. Tuy nhiên, anh T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]*Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và anh Đoàn Công T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/4/2019 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T đã làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án và đã được Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Sau khi ly hôn đến tháng ngày 05/4/2019 anh chị đã lên UBND xã Q, huyện Q để đăng ký kết hôn lại; tuy nhiên vợ chồng chung sống được 01 năm lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Ngoài ra anh T không tu chí làm ăn đã lao vào con đường nghiện ngập lô ma túy, đề, cờ bạc. Chị khuyên bảo nhiều lần

anh T không nghe dân đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh T thừa nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Mặt khác anh có nghiện ngập ma túy và phải đi cai nghiện tập trung tại trung tâm cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho bị đơn theo quy định của pháp luật; tuy nhiên anh T không thể đến Tòa án để làm việc được với lý do anh đang chấp hành cai nghiện tại trung tâm cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa đến ngày 29/01/2022 anh T chấp hành xong và đã về địa phương sinh sống.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh, chị không còn chung sống với nhau một thời gian dài; do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị T.

[3]*Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đoàn Thị T1, sinh ngày 28/5/2012, Đoàn Công P, sinh ngày 09/5/2014.

Quá trình giải quyết vụ án anh T xin nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh. Chị T xin nuôi cháu P, để cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi của anh, chị là hoàn toàn chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, anh T là đối tượng nghiện ma túy mới đi cai nghiện ma về, công ăn việc làm chưa ổn định; nếu giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng thì không thể đảm bảo cuộc sống cho các con được tốt. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần phải giao cho anh T, chị T mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5]*Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đoàn Công T

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đoàn Thị T1, sinh ngày 28/5/2012, Đoàn Công P, sinh ngày 09/5/2014.

Giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với ai.

Chị T, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 9260 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H.Quảng Xương;
- Chi cục THADSH.Quảng Xương;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý